TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/DS-PT
Ngày : 10-3-2021
V/v: "Tranh chấp: thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2020/TLDS-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp: thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 628/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Kim S, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 477/4A, đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973.

2.2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1999.

2.3. Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 2001.

2.4. Chị Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 2004.

2.5. Chị Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 2006.

2.6. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2010.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ: bà Lê Thị N.

Tất cả cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Từ Quốc Hùng, sinh năm 1982.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Số 477/4A, đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị N

(Bà S, bà N, ông T, bà Lvà ông H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Kim S trình bày trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ngày 18/7/2017, Bà S nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu L, bà Lê Thị N diện tích đất 06m x 15m, thuộc một phần của thửa số 61, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp X, xã Y, huyện Z do ông Nguyễn Hữu L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) với giá tiền là 140.000.000 đồng.

Khi thỏa thuận chuyển nhượng đất, thì bà N là người ngã giá, nhưng trong "Giấy bán đất" chỉ có ông Lký tên cho bên người bán. Sau khi ký "Giấy bán đất xong", bà Sang trả đủ tiền cho ông Lvà bà N. Đồng thời, ông Lcũng đã cắm cọc giao đất cho Bà S xong và hứa sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho Bà S đứng tên đất. Tuy nhiên, sau đó ông Lvà bà N không thực hiện việc làm thủ tục chuyển nhượng như cam kết, Bà S cũng đã nhiều lần yêu cầu ông Llàm thủ tục, nhưng ông Lcho rằng đất này là đất nông nghiệp nên không thể tách thửa cho Bà S đứng tên đất được và kéo dài cho đến tháng 5/2019 thì ông Lchết.

Sau khi ông Lchết, Bà S vẫn yêu cầu bà N thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo diện tích mà ông Lvà bà N đã chuyển nhượng cho Bà S, nhưng bà N không thực hiện và cho rằng bà N với ông Lkhông có chuyển nhượng đất cho Bà S.

Ông Nguyễn Hữu L chết ngày 17/5/2019, để lại có tài sản chung với bà N là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 02, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lgồm có: vợ là bà Lê Thị N và 05 người con gồm Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ; cha mẹ ruột của ông Lđã chết trước ông L. Do ông Lchết không để lại di chúc, nên Bà S yêu cầu những người thừa kế thuộc hàng thừa

kế thứ nhất của ông Ltiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, cụ thể: Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà N cùng những người con chung giữa bà N với ông Lgồm: Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng diện đất nêu trên cho Bà S; yêu cầu tháo dỡ nhà tạm và cục nóng máy lạnh; không yêu cầu ông Huỳnh Tấn Lộc tháo dỡ trụ điện. Ngoài ra, ông Lcòn có một người con riêng là **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1981, hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ, nhưng Bà S không yêu cầu bà Sương cùng liên đới trách nhiệm do quá trình chuyển nhượng đất giữa Bà S với ông Lthì bà Sương không biết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn do bà Lê Thị N trình bày trong quá trình tố tụng vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Bà N với ông Nguyễn Hữu L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Yvà có 05 người con chung gồm: Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ. Ông Lchết ngày 17/5/2019, cha mẹ ông Lđã chết trước ông L. Ngoài ra, ông Lcó một người con riêng là Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1981, hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ.

Theo "Giấy bán đất" ngày 18/7/2017, thể hiện ông Lcó bán đất cho Bà S 06m x 15m, với giá 140.000.000 đồng, chữ ký mang tên "Nguyễn Hữu L" nhưng không phải của ông Llà chồng của bà N ký. Trong "Giấy bán đất" này cũng không thể hiện việc ông Lđã nhận hay chưa nhận số tiền 140.000.000 đồng của Bà S. Bà N không yêu cầu giám định chữ ký của ông Ltrong "Giấy bán đất", vì không cung cấp được chữ ký của ông Lvào năm 2017. Ngày 30/9/2019, bà N đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2, tại ấp Bình Tả 1, xã X, huyện Y.

Qua yêu cầu khởi kiện của Bà S đối với bà N cùng các người con của bà N với ông L, về yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo "Giấy bán đất" được ký giữa Bà S với ông Nguyễn Hữu L thì bà N cùng các bị đơn không đồng ý, do việc chuyển nhượng đất giữa Bà S với ông L, thì bà N và các người các con không hề biết về việc chuyển nhượng này. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bản chính GCNQSDDĐ thửa 61 nêu trên, hiện bà đang giữ ở nhà, không thế chấp cho cá nhân, tổ chức để vay tiền, không chuyển nhượng cho ai.

Anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày thống nhất là con ruột của bà N với ông L. Về tranh chấp, thống nhất với trình bày của bà N.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Ông Từ Quốc Htrình bày: Ông Hvới Bà S là vợ chồng, thống nhất với

lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của Bà S. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ltrình bày: Bà Llà mẹ chồng của Bà S và là người trực tiếp gặp bà N để thỏa thuận chuyển nhượng đất và bà N là người trực tiếp ra giá chuyển nhượng là 140.000.000 đồng. Trước ngày 18/7/2017, (không nhớ rõ ngày tháng năm), bà Lcó đặt cọc cho ông Nguyễn Hữu L số tiền là 10.000.000 đồng để làm tin cho việc bà Đinh Kim S nhận chuyển nhượng của ông Lvới diện tích nêu trên. Bà Lgiao cho ông L10.000.000 đồng tại nhà ông L, lúc đó có mặt ông Hiện và ông L. Đến ngày 18/7/2017, tại nhà ông L, Bà S có giao tiếp cho ông Lsố tiền 130.000.000 đồng, lúc giao tiền có mặt của ông Hiện, Bà S, ông L, bà Lvà một số người thân của bà L(gồm Nguyễn Thị Kim P, Nguyễn Kim H, Từ Ngọc D, Phan Thị Ngọc T). Mặc dù, cả hai lần giao tiền đều không có mặt bà N nhưng bà Lkhẳng định bà N có biết ông Lchuyển nhượng đất cho Bà S vì bà N là người báo giá là 140.000.000 đồng. Số tiền 10.000.000 đồng, bà Lđã đặt cọc cho ông Lthì vợ chồng Bà S, ông Hđã trả lại, nên bà Lkhông có yêu cầu gì.

Những người làm chứng trình bày:

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H khẳng định chữ ký ở mục người làm chứng trong "Giấy bán đất" ngày 18/7/2019 được lập giữa ông Nguyễn Hữu L và bà Đinh Kim S là của ông. Trước ngày 18/7/2017, bà Lcó đặt cọc cho ông Lsố tiền 10.000.000 đồng để làm tin cho việc Bà S sẽ nhận chuyển nhượng đất của ông L, với diện tích 06m x 15m, thuộc một phần thửa 61, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Lúc bà Lgiao tiền cọc cho ông L10.000.000 đồng tại nhà ông Lthì ông H có chứng kiến. Đến ngày 18/7/2017, tại nhà ông L, Bà S có giao tiếp cho ông Lsố tiền 130.000.000 đồng, lúc giao tiền có mặt của bà L, Bà S, ông Hiện, ông Lvà một số người thân của bà L. Mặc dù, cả hai lần giao tiền đều không có mặt bà N, nhưng ông H khẳng định bà N có biết ông Lchuyển nhượng đất cho Bà S vì bà N là người báo giá là 140.000.000 đồng và có hỏi ông H số điện thoại của bà L, để hỏi bà Lcó chuyển nhượng lại đất mà Bà S đã nhận chuyển nhượng của bà N không.

Các ông bà Nguyễn Kim H, Phan Thị Ngọc T, Từ Ngọc D, Nguyễn Thị Kim P đều trình bày thống nhất như sau: Ngày 18/7/2017, tại nhà ông L, Bà S có giao cho ông Lsố tiền 130.000.000 đồng, lúc giao tiền có mặt của bà L, Bà S, ông Lvà các ông bà. Các ông bà cam kết lời trình bày như trên của các ông bà là đúng sự thật, nếu có sai trái sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hđã căn cứ: Các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 147,

228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 117, 119, 122, 131, 357, 468, 615 và 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Kim S đối với bị đơn Lê Thị N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ về việc tranh chấp "Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Tuyên bố "Giấy bán đất" ngày 18/7/2017 được xác lập giữa ông Nguyễn Hữu L và bà Đinh Kim S là vô hiệu.

Buộc Lê Thị N, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ánh T, Nguyễn Thị Ánh M, Nguyễn Thị Ánh H, Nguyễn Hữu Đ liên đới trả cho Bà S số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), trong phạm vi tài sản do ông Nguyễn Hữu L chết để lại.

2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Bà S chịu chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000 đồng, Bà S đã nộp tạm ứng, đã chí phí xong. Bà S đã nộp đủ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo; quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 05/10/2020, bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo toàn bộ bán án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về vụ án.

- Bà Đinh Thị S trình bày: Thống nhất với án sơ thẩm đã xét xử. Khi thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất thì ông Lcó đưa cho Bà S theo bản phô tô GCNQSDĐ do ông Lđứng tên thửa đất chuyển nhượng cho Bà S, nên Bà S mới đồng ý trả tiền nhận chuyển nhượng.

- Bà Lê Thị N cung cấp chứng cứ gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 16704, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/7/2019 do Công chứng viên của VPCC Đức Hòa chứng nhận, giữa: bên chuyển nhượng vợ chồng ông Thái Minh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L và bên nhận chuyển nhượng bà Lê Thị N đối với các thửa đất số 15, 61 và 62 tờ bản đồ số 2, xã X, huyện Y; Bản sao GCNQSDĐ số CT 096701 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 30/9/2019 cho bà N đứng tên thửa đất số 61 nêu trên. Ngoài ra, bà N trình bày: Các thửa đất theo hợp đồng chuyển

nhượng mà bà N nộp cho Tòa án có nguồn gốc trước đây là của cha mẹ ông Lđể lại cho ông Lđứng tên GCNQSDĐ, nhưng sau đó ông Ltự ý cầm cố hay chuyển nhượng cho ai thì bà N hoàn toàn không biết. Sau khi ông Lchết, qua tìm hiểu bà N mới biết các thửa đất này do vợ chồng ông H, bà Lđã đứng tên đất năm 2013. Bà N thương lượng với vợ chồng ông H cho bà chuộc lại đất với giá là 150.000.000 đồng và hai bên đến VPCCC làm thủ tục chuyển nhượng lại cho bà N đứng tên. Bà N xác định các thửa đất số 15, 61 và 62 như nêu trên hiện nay do bà N đứng tên là tài sản riêng của bà N, không phải là tài sản chung hay di sản của ông Lchết để lại. Theo "Giấy bán đất" giữa ông Lvới Bà S chưa thể hiện được ông Lđã nhận tiền chuyển nhượng đất từ Bà S nên án sơ thẩm tuyên buộc bà N cùng những người con chung với ông Lchịu trách nhiệm hoàn trả lại tiền cho Bà S thì bà N không đồng ý vì ông Lkhông có để lại di sản.

Anh Nguyễn Hữu T trình bày thống nhất với lời trình bày của bà N.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Từ Quốc Htrình bày như tại cấp sơ thẩm.

- Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến về vụ án cho rằng:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N thực hiện trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

+ Quan điểm về giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án có liên quan đến vợ chồng ông H, bà Lnhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ có liên quan đến việc ông Lchuyển nhượng đất cho ông H trước đó là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để giải quyết vụ án được toàn diện, cần phải hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng của bị đơn bà Lê Thị N thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo thấy rằng:

[2.1] Về triệu tập người tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm: Theo chứng cứ Bà S cung cấp là "Giấy bán đất" lập ngày 18/7/2017 trong đó có chữ ký của ông Lđối với diện tích đất 06m x 15m thuộc một phần của thửa đất số 61, tờ

bản đồ số 02, ấp Bình Tả 1, xã X, huyện Yvà theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/7/2019 giữa bà N với vợ chồng ông Thái Minh H, bà Nguyễn Thị Mỹ L đối với thửa đất số 61 nêu trên do bà N cung cấp, thì thời điểm lập "Giấy bán đất" thì thửa đất này do vợ chồng ông H, bà Lđứng tên GCNQSDĐ cấp ngày 15/12/2013, nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập vợ chồng ông H, bà Ltham gia tố tụng là tH người tham gia tố tụng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2.2]. Về thu thập chứng cứ chứng minh ông Lchết có để lại di sản hay không và nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thừa nhận: Thửa đất số 61 cùng các thửa đất 15 và 62 theo Hợp đồng chuyển nhượng giữa bà N với vợ chồng ông H, đều có nguồn gốc của cha mẹ ông Lchết để lại cho ông Lvà ông Lcũng đã được cấp GCNQSDĐ, nhưng khi ông Lcòn sống đã chuyển nhượng hay cầm cố cho ai thì bà N không biết, sau khi ông Lchết bà N tìm hiểu một thời gian thì biết được các thửa đất này do vợ chồng ông H, bà Lđứng tên, nên bà N thương lượng cho bà N chuộc lại đất với giá 150.000.000 đồng, nên các thửa đất này là tài sản riêng của bà N. Ngoài ra, bà N trình bày ông Lchết không để lại di sản.

[2.3]. Từ các mục [2.1] và [2.2] nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người tham gia tố tụng vào trong vụ án để giải quyết; chưa làm rõ các thửa đất số 61, 62 và 15 trước khi vợ chồng ông H, bà Lđứng tên thì có phải do ông Lđứng tên không? Nếu như ông Lđứng tên trước đó, thì đến năm 2013 vợ chồng ông H, bà Lđược đứng tên có thông qua các giao dịch dân sự như cầm cố, chuyển nhượng…? cũng như đến tháng 9/2019 bà N đứng tên đất do bà N chuộc lại như bà N trình bày đúng không mới có căn cứ xác định ông Lchết có để lại di sản là ba thửa đất trên không, hay ông Lcòn có di sản nào khác không. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ mà đã buộc đồng bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng trong phạm vi di sản của ông Lchết để lại là chưa có căn cứ theo quy định tại tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự.

[2.4]. Với những tH sót trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải quyết vụ án và chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà N.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Bà N không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại.

[5]. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định do Bà S nộp tạm ứng sẽ được cấp sơ thẩm xem xét khi xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 161/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị N là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006442 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Giao hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Hđể giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Tâm